MẶT BẰNG SAN NỀN, TL: 1/500

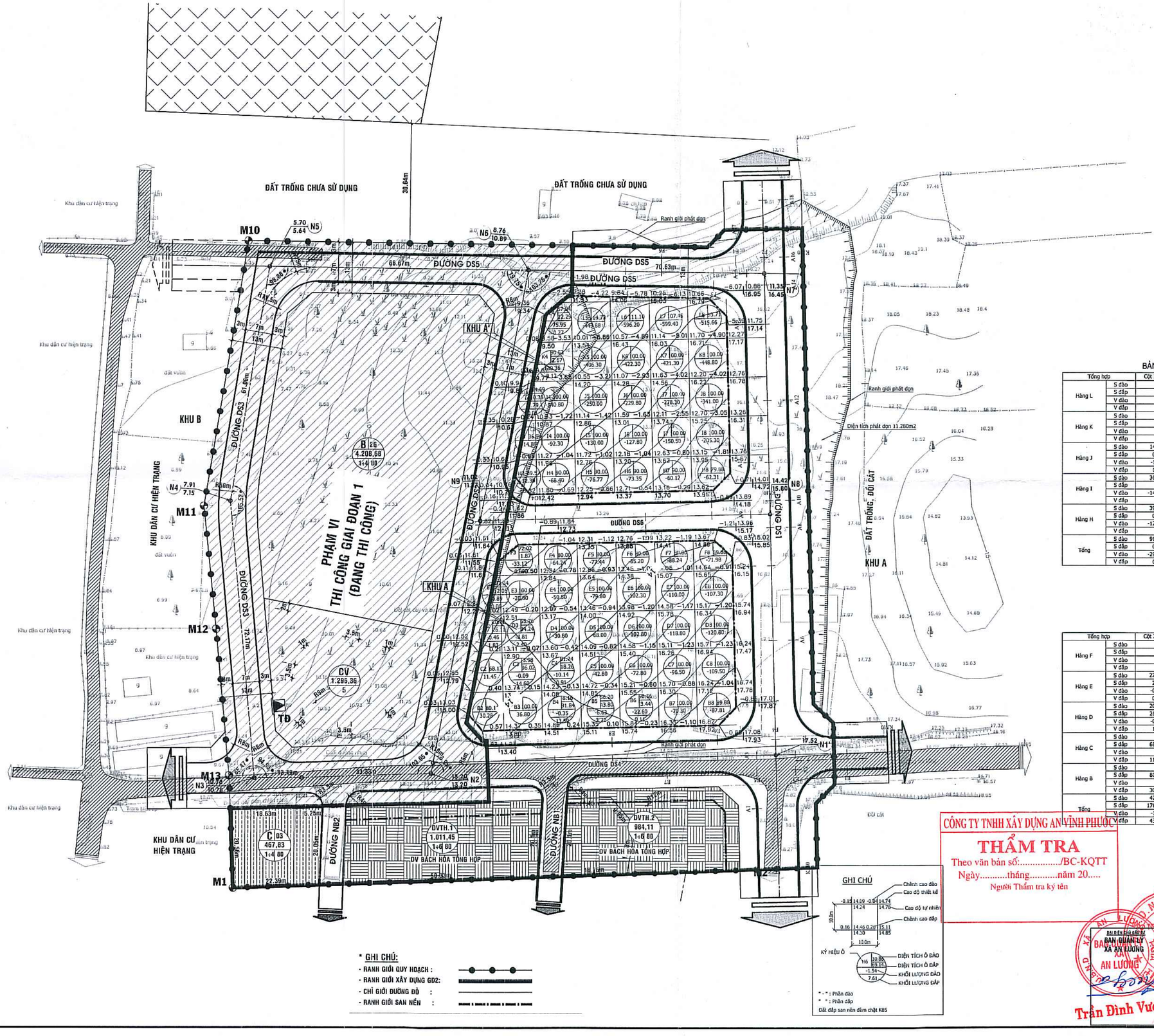

BẢNG KHỐI LƯỢNG SAN NỀN KHU A'

Tổng hợp		Cột 3	Cột 4	Cột 5	Cột 6	Cột 7	Cột 8	Tổng
Hàng L	S đào		57.04	114.73	111.10	107.46	93.71	484.04
	S đắp		12.29					12.29
	V đào		-75.95	-443.88	-596.20	-599.40	-515.66	-2231.09
	V đắp		0.27					0.27
Hàng K	S đào		90.53	100.00	100.00	100.00	100.00	490.53
	S đắp		2.67					2.67
	V đào		-130.36	-406.30	-422.30	-421.30	-448.80	-1829.06
	V đắp		0.12					0.12
Hàng J	S đào	14.69	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	514.69
	S đắp	0.38						0.38
	V đào	-1.79	-140.80	-250.00	-229.80	-278.30	-341.00	-1241.69
	V đắp	0.01						0.01
Hàng I	S đào	36.94	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	536.94
	S đắp							0.00
	V đào	-14.89	-92.30	-130.00	-127.80	-150.50	-205.30	-720.79
	V đắp							0.00
Hàng H	S đào	39.57	90.00	90.00	90.00	90.00	79.88	479.45
	S đắp	0.14						0.14
	V đào	-12.39	-68.40	-76.77	-73.35	-60.12	-62.31	-353.34
	V đắp							0.00
Tổng	S đào	91.20	437.57	504.73	501.10	497.46	473.59	2505.65
	S đắp	0.52	14.96	0.00	0.00	0.00	0.00	15.48
	V đào	-29.07	-507.81	-1306.95	-1449.45	-1509.62	-1573.07	-6375.97
	V đắp	0.01	0.39	0.00	0.00	0.00	0.00	0.40

BẢNG KHỐI LƯỢNG SAN NỀN KHU A

Tổng hợp		Cột 2	Cột 3	Cột 4	Cột 5	Cột 6	Cột 7	Cột 8	Tổng
Hàng F	S đào		72.02	80.00	80.00	80.00	80.00	69.88	461.90
	S đắp		1.87						1.87
	V đào		-33.12	-64.24	-77.44	-85.20	-88.24	-71.98	-420.22
	V đắp		0.08						0.08
Hàng E	S đào	22.34	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	622.34
	S đắp	2.06							2.06
	V đào	-0.69	-20.80	-50.50	-79.80	-102.30	-110.00	-107.30	-471.59
	V đắp	0.08							0.08
Hàng D	S đào	20.15	65.76	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	585.91
	S đắp	26.11	34.24						60.35
	V đào	-0.46	-3.81	-30.80	-68.00	-102.80	-118.80	-120.80	-445.47
	V đắp	1.83	2.40						4.23
Hàng C	S đào		3.98	81.74	100.00	100.00	100.00	100.00	485.72
	S đắp	68.13	96.02	18.26					182.41
	V đào		-0.09	-10.14	-42.80	-72.80	-96.50	-109.50	-331.83
	V đắp	11.45	14.60	0.91					26.96
Hàng B	S đào			8.16	56.20	96.56	100.00	89.88	350.80
	S đắp	80.11	100.00	91.84	43.80	3.44			319.19
	V đào			-0.35	-6.63	-22.60	-70.30	-87.81	-187.69
	V đắp	30.28	36.80	13.59	3.72	0.11			84.50
Tổng	S đào	42.49	241.76	369.90	436.20	476.56	480.00	459.76	2506.67
	S đắp	176.41	232.13	110.10	43.80	3.44	0.00	0.00	565.88
	V đào	-1.35	-57.82	-156.03	-274.67	-385.70	-483.84	-497.39	-1855.80
	V đắp	43.64	53.88	14.50	3.72	0.11	0.00	0.00	115.85

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN VĨNH PHƯỚC

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người Thẩm tra ký tên

PHÒNG KINH TẾ AN LƯƠNG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN LƯƠNG

Trần Đình Vương

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DQP

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DQP		DỰ ÁN: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂM DÂN CƯ THÔN VĨNH LỢI 2 (GIAI ĐOẠN 2) HẠNG MỤC: SAN NỀN MẶT BẰNG ĐỊA ĐIỂM XD: THÔN VĨNH LỢI 2 - XÃ AN LƯƠNG - TỈNH GIA LAI
P.GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN THÁI QUANG	BẢN VẼ: MẶT BẰNG SAN NỀN
T.K.K.VẼ	KS. NGÔ THỊ HỒNG PHÚC	
CHỦ TRÌ TK	KS. BÙI THÀNH THỌ	
CHỦ TRÌ KỸ THUẬT		GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG / STT BẢN VẼ
CHỦ NHIỆM	KS. TRƯƠNG BÁ PHỤC	THIẾT KẾ MỚI / HOÀN THÀNH: 2026 / SN: 01

MẶT BẰNG GIAO THÔNG, TL: 1/500

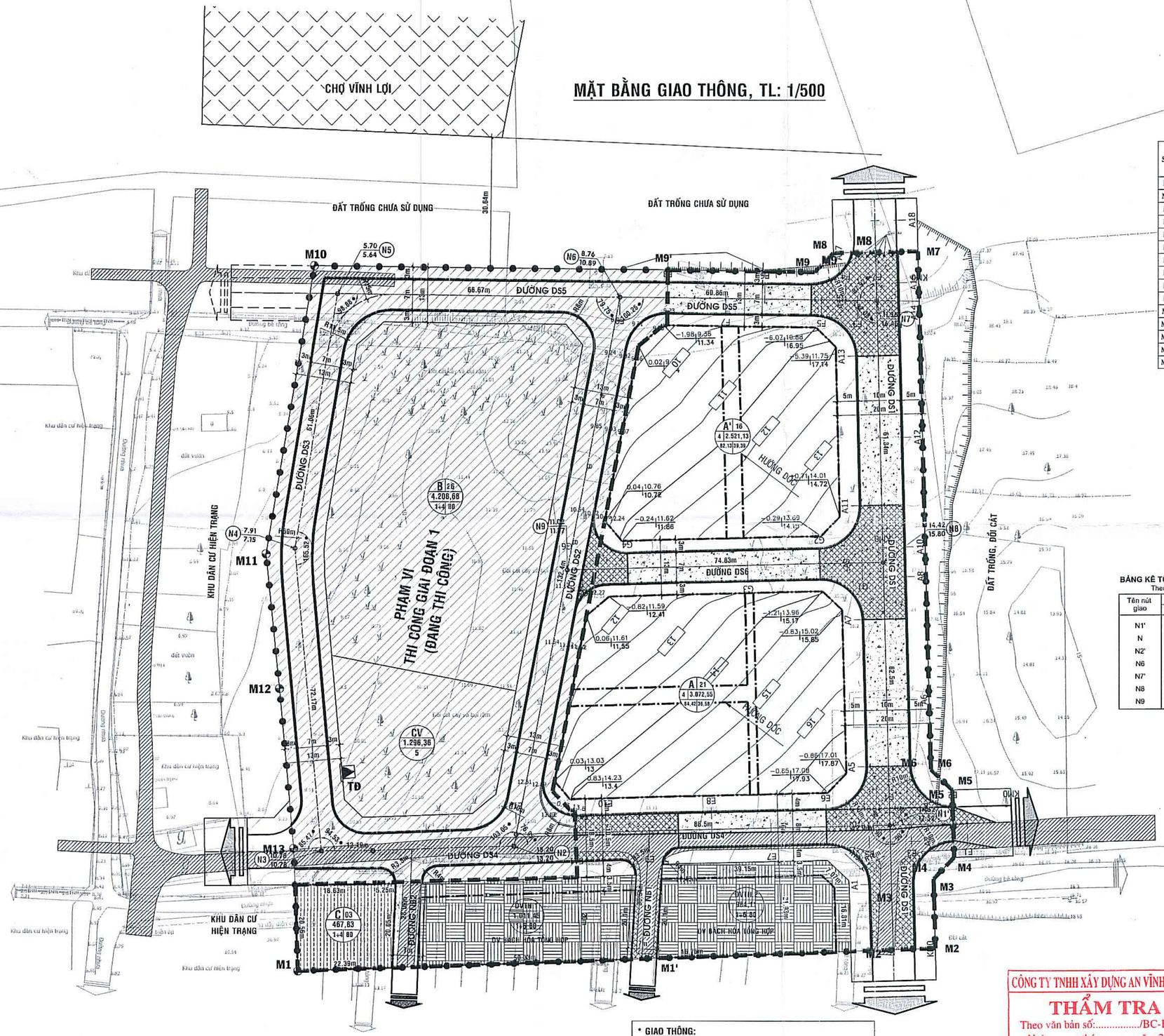

0 5M 10M 30M 60M

TỶ LỆ XÍCH

STT	BẢNG KÊ TỌA ĐỘ BIÊN QUY HOẠCH (VN 2000)	
	X (m)	Y (m)
M1	1563484.357	602892.985
M1'	1563487.459	602977.694
M2	1563489.876	603043.721
M3	1563506.434	603043.322
M4	1563511.553	603048.200
M5	1563527.548	603047.815
M6	1563532.426	603042.695
M7	1563655.099	603039.738
M8	1563654.617	603019.744
M9	1563650.174	603015.353
M9'	1563650.611	602979.664
M10	1563651.624	602897.006
M11	1563583.518	602885.513
M12	1563551.609	602888.654
M13	1563513.549	602891.916

- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN
- CẦU BÊ TÔNG
- CỐNG QUA ĐƯỜNG
- MƯƠNG THOÁT NƯỚC ÂM
- GÓC VẠT
- BÁN KÍNH CONG BỜ VỈA
- TRẠM ĐIỆN
- KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ +4.50
- CAO ĐỘ TỰ NHIÊN +3.10
- GÓC ĐỊNH HƯỚNG

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ NÚT GIAO THÔNG

Theo hệ tọa độ VN-2000

Tên nút giao	Tọa độ	
	X	Y
N1'	1563519.19	603033.01
N	1563517.82	602976.05
N2'	1563517.06	602944.54
N6	1563844.23	602969.15
N7'	1563843.49	603030.01
N8	1563581.67	603031.5
N9	1563579.87	602956.7

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG GIAO THÔNG GIAI ĐOẠN 2

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI (M)	LÒNG ĐƯỜNG (M)	VỈA HÈ PHẢI (M)	VỈA HÈ TRÁI (M)	CHIỀU DÀI (M)
1	ĐƯỜNG NỘI BỘ DS1	20,0	10,0	5,00	5,00	165,40
2	ĐƯỜNG NỘI BỘ DS4	16,0 (18,5)	8,0 (10,5)	4,00	4,00	103,50
3	ĐƯỜNG NỘI BỘ DS5	13,0	7,0	3,00	3,00	60,86
4	ĐƯỜNG NỘI BỘ DS6	13,0	7,0	3,00	3,00	74,83
5	ĐƯỜNG NỘI BỘ NB1	7,0	7,0	0,00	0,00	30,54
6	ĐƯỜNG NỘI BỘ NB2	7,0	7,0	0,00	0,00	28,08
TỔNG						463,21

GHI CHÚ:

- CAO ĐỘ THIẾT KẾ NÚT: 17.52
- TÊN NÚT: (N1)
- CAO ĐỘ TỰ NHIÊN: 17.52
- : PHẠM VI NÚT
- : MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG THIẾT KẾ
- : PHẠM VI ĐƯỜNG BÊ TÔNG ĐÃ THI CÔNG
- : PHẠM VI ĐƯỜNG NHỰA ĐÃ THI CÔNG
- 13.12 : CAO ĐỘ THIẾT KẾ

*** GIAO THÔNG:**

- ĐƯỜNG BÊ TÔNG CÓ LỘ GIỚI: 13m, 16m VÀ 20m.
- KẾT CẤU BÊ TÔNG ĐÁ 2x4, VXM #250, DÀY 200mm, DƯỚI LÓT BẠT NHỰA.
- RANH GIỚI QUY HOẠCH :
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ :
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG :
- R.GIỚI QH GIỮA 2 GD :

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN VĨNH PHƯỚC

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người Thẩm tra ký tên

PHÒNG KINH TẾ XÃ AN LƯƠNG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên

Trần Đình Vượng

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DQP		DỰ ÁN: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂM DÂN CƯ THÔN VĨNH LỢI 2 (GIAI ĐOẠN 2) HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỊA ĐIỂM XD: THÔN VĨNH LỢI 2 - XÃ AN LƯƠNG - TỈNH GIA LAI	
P.GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN THÁI QUANG	BẢN VẼ: MẶT BẰNG GIAO THÔNG	
T.KẾ - VẼ	KS. NGÔ THỊ HỒNG PHÚC		
CHỦ TRÌ TK	KS. BÙI THÀNH THỌ		
GIÁM SÁT KỸ THUẬT		GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	STT BẢN VẼ
CHỦ NHIỆM	KS. TRƯƠNG BÁ PHỤC	THIẾT KẾ MỚI / HOÀN THÀNH: 2026	GT: 01

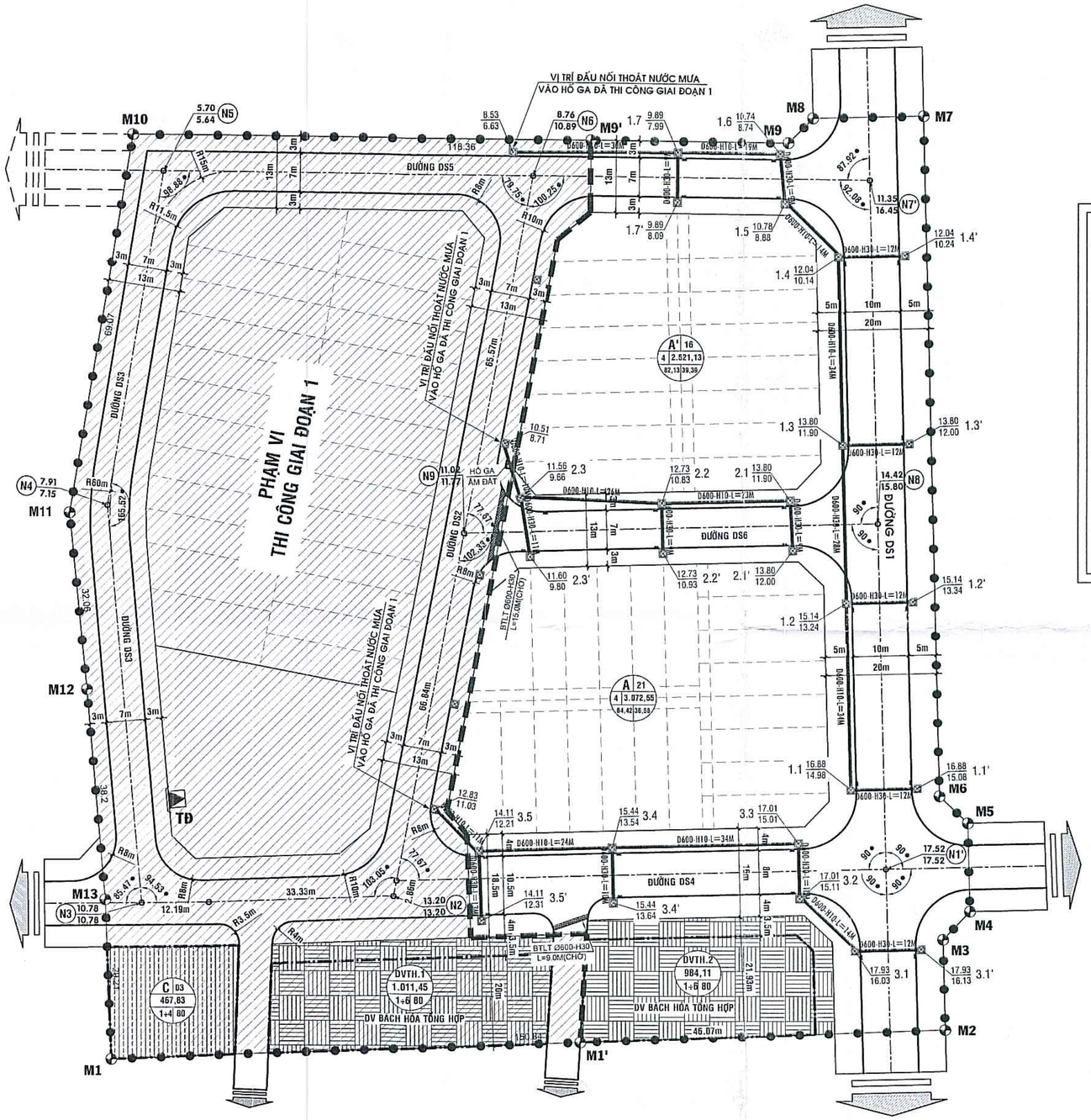

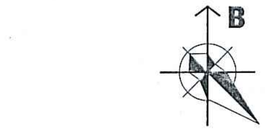

GHI CHÚ:

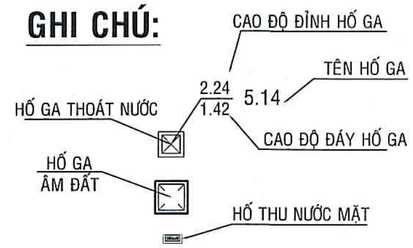

ỐNG LỒNG CHỜ QUA ĐƯỜNG BTLT - H30

ỐNG CỐNG BTLT - H10 - H30

RANH GIỚI QUY HOẠCH

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN VĨNH PHƯỚC

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người Thẩm tra ký tên

PHÒNG KINH TẾ XÃ AN LƯƠNG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

BAN QUẢN LÝ XÃ AN LƯƠNG

Trần Đình Vương

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DQP

DỰ ÁN: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂM DÂN CƯ THÔN VĨNH LỢI 2 (GIAI ĐOẠN 2)

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

ĐỊA ĐIỂM XD: THÔN VĨNH LỢI 2 - XÃ AN LƯƠNG - TỈNH GIA LAI

P.GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN THÁI QUANG
T.KẾ - VẼ		KS. NGUYỄN THÁI QUANG
CHỦ TRÌ TK		KS. TRƯƠNG BÁ PHỤC
QL KỸ THUẬT		
CHỦ NHIỆM		KS. TRƯƠNG BÁ PHỤC

BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

THIẾT KẾ MỚI | HOÀN THÀNH: 2026

STT BẢN VẼ: TNM: 01

STT	TỌA ĐỘ CỌC PHÂN LÔ KHU A		GHI CHÚ
	X (m)	Y (m)	
1	1563574.823	603017.166	CỌC BÊ TÔNG
2	1563570.433	603021.773	CỌC BÊ TÔNG
3	1563568.933	603021.810	CỌC BÊ TÔNG
4	1563562.935	603021.954	CỌC BÊ TÔNG
5	1563556.937	603022.099	CỌC BÊ TÔNG
6	1563550.939	603022.243	CỌC BÊ TÔNG
7	1563544.940	603022.388	CỌC BÊ TÔNG
8	1563538.942	603022.533	CỌC BÊ TÔNG
9	1563532.944	603022.677	CỌC BÊ TÔNG
10	1563531.444	603022.713	CỌC BÊ TÔNG
11	1563526.837	603018.323	CỌC BÊ TÔNG
12	1563526.391	602999.828	CỌC BÊ TÔNG
13	1563526.247	602993.830	CỌC BÊ TÔNG
14	1563526.101	602987.786	CỌC BÊ TÔNG
15	1563525.957	602981.834	CỌC BÊ TÔNG
16	1563525.813	602975.835	CỌC BÊ TÔNG
17	1563525.668	602969.837	CỌC BÊ TÔNG
18	1563525.524	602963.839	CỌC BÊ TÔNG
19	1563525.365	602957.248	CỌC BÊ TÔNG
20	1563529.674	602953.604	CỌC BÊ TÔNG
21	1563549.376	602957.417	CỌC BÊ TÔNG
22	1563569.077	602961.230	CỌC BÊ TÔNG
23	1563573.604	602966.584	CỌC BÊ TÔNG
24	1563573.654	602968.680	CỌC BÊ TÔNG
25	1563573.799	602974.679	CỌC BÊ TÔNG
26	1563573.943	602980.677	CỌC BÊ TÔNG
27	1563574.088	602986.675	CỌC BÊ TÔNG
28	1563574.233	602992.673	CỌC BÊ TÔNG
29	1563574.377	602998.672	CỌC BÊ TÔNG
30	1563568.379	602998.816	CỌC BÊ TÔNG
31	1563562.381	602998.961	CỌC BÊ TÔNG
32	1563556.382	602999.105	CỌC BÊ TÔNG
33	1563550.384	602999.250	CỌC BÊ TÔNG
34	1563544.390	602999.390	CỌC BÊ TÔNG
35	1563538.388	602999.539	CỌC BÊ TÔNG
36	1563532.389	602999.684	CỌC BÊ TÔNG
37	1563550.240	602993.252	CỌC BÊ TÔNG
38	1563550.095	602987.254	CỌC BÊ TÔNG
39	1563549.950	602981.255	CỌC BÊ TÔNG
40	1563549.806	602975.257	CỌC BÊ TÔNG
41	1563549.661	602969.259	CỌC BÊ TÔNG
42	1563549.517	602963.261	CỌC BÊ TÔNG

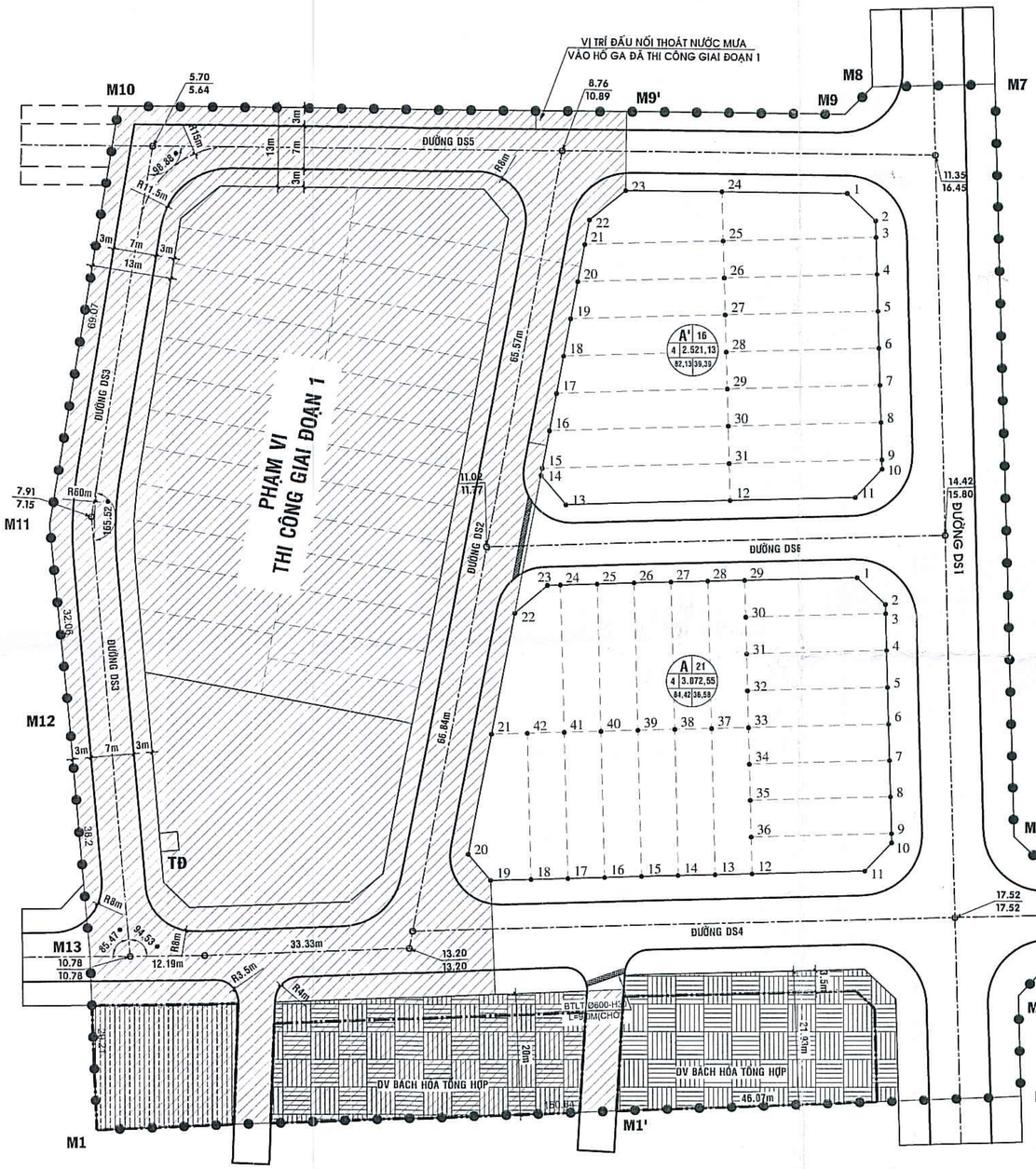

B

0 5M 10M 30M 60M

TỶ LỆ XÍCH

STT	TỌA ĐỘ CỌC PHÂN LÔ KHU A'		GHI CHÚ
	X (m)	Y (m)	
1	1563637.169	603015.666	CỌC BÊ TÔNG
2	1563632.615	603020.274	CỌC BÊ TÔNG
3	1563629.916	603020.339	CỌC BÊ TÔNG
4	1563623.917	603020.484	CỌC BÊ TÔNG
5	1563617.919	603020.629	CỌC BÊ TÔNG
6	1563611.921	603020.773	CỌC BÊ TÔNG
7	1563605.923	603020.918	CỌC BÊ TÔNG
8	1563599.924	603021.062	CỌC BÊ TÔNG
9	1563593.926	603021.207	CỌC BÊ TÔNG
10	1563592.426	603021.243	CỌC BÊ TÔNG
11	1563587.819	603016.853	CỌC BÊ TÔNG
12	1563587.325	602996.359	CỌC BÊ TÔNG
13	1563586.680	602969.612	CỌC BÊ TÔNG
14	1563591.469	602965.563	CỌC BÊ TÔNG
15	1563592.590	602965.780	CỌC BÊ TÔNG
16	1563598.620	602966.947	CỌC BÊ TÔNG
17	1563604.650	602968.114	CỌC BÊ TÔNG
18	1563610.679	602969.281	CỌC BÊ TÔNG
19	1563616.709	602970.448	CỌC BÊ TÔNG
20	1563622.739	602971.615	CỌC BÊ TÔNG
21	1563628.769	602972.782	CỌC BÊ TÔNG
22	1563632.765	602973.555	CỌC BÊ TÔNG
23	1563637.612	602979.505	CỌC BÊ TÔNG
24	1563637.420	602995.151	CỌC BÊ TÔNG
25	1563629.313	602995.347	CỌC BÊ TÔNG
26	1563623.315	602995.491	CỌC BÊ TÔNG
27	1563617.317	602995.636	CỌC BÊ TÔNG
28	1563611.318	602995.781	CỌC BÊ TÔNG
29	1563605.320	602995.925	CỌC BÊ TÔNG
30	1563599.322	602996.070	CỌC BÊ TÔNG
31	1563593.324	602996.214	CỌC BÊ TÔNG

CHI TIẾT CỌC PHÂN LÔ:

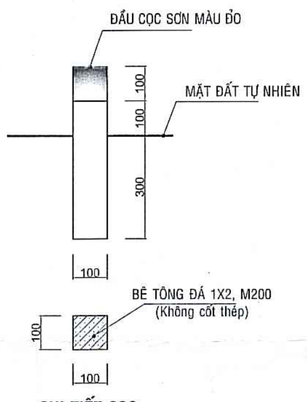

CHI TIẾT CỌC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN VĨNH PHƯỚC

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người Thẩm tra ký tên

PHÒNG KINH TẾ XÃ AN LƯƠNG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ XÃ AN LƯƠNG
Trần Đình Vương

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DQP DQP CO.,LTD ĐC: THÔN VĨNH LỢI 2 - XÃ AN LƯƠNG - TỈNH GIA LAI TEL: 0918 115 933 - 0255 840 813			DỰ ÁN: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂM DÂN CƯ THÔN VĨNH LỢI 2 (GIAI ĐOẠN 2) HẠNG MỤC: CẮM CỌC PHÂN LÔ ĐỊA ĐIỂM XD: THÔN VĨNH LỢI 2 - XÃ AN LƯƠNG - TỈNH GIA LAI
P.GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN THÁI QUANG	BẢN VẼ: MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
T.KẾ - VẼ		KS. NGUYỄN THÁI QUANG	
CHỦ TRÌ TK		KS. TRƯƠNG BÁ PHỤC	
QL KỸ THUẬT			GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG — STT BẢN VẼ: PL: 01
CHỦ NHIỆM		KS. TRƯƠNG BÁ PHỤC	THIẾT KẾ MỚI — HOÀN THÀNH: 2026